

**THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 11/2022  
KHỐI 6**

**Đối với học sinh bán trú có TCTA**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Học tăng cường tiếng anh			36,000		36,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			180,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền vệ sinh bán trú			20,000		20,000
Tiền ăn (T11/2022 : 22 ngày x 30,000d/ngày)			660,000		660,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú			150,000		150,000
Tiền nước uống HS			12,000		12,000
Tiền đào tạo chương trình Tin học định hướng IC3 (Nếu HS có tham gia)				1,120,000	1,120,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>1,348,000</b>	<b>1,683,220</b>	<b>3,151,220</b>

**Đối với học sinh không bán trú có TCTA**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Học tăng cường tiếng anh			36,000		36,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			180,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền đào tạo chương trình Tin học định hướng IC3 (Nếu HS có tham gia)				1,120,000	1,120,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>506,000</b>	<b>1,683,220</b>	<b>2,309,220</b>

**Đối với học sinh bán trú không TCTA**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			90,000		90,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền vệ sinh bán trú			20,000		20,000
Tiền ăn (T11/2022 : 22 ngày x 30,000d/ngày)			660,000		660,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú			150,000		150,000
Tiền nước uống HS			12,000		12,000
Tiền đào tạo chương trình Tin học định hướng IC3 (Nếu HS có tham gia)				1,120,000	1,120,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>1,222,000</b>	<b>1,683,220</b>	<b>3,025,220</b>

**Đối với học sinh không bán trú không TCTA**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			90,000		90,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền đào tạo chương trình Tin học định hướng IC3 (Nếu HS có tham gia)				1,120,000	1,120,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>380,000</b>	<b>1,683,220</b>	<b>2,183,220</b>



Ngày 01 tháng 11 năm 2022

Hiệu trưởng

Nguyễn Hồng Đức

**THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 11/2022**  
**KHỐI 7**

**Đối với học sinh bán trú có TCTA**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Học tăng cường tiếng anh			36,000		36,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			180,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền vệ sinh bán trú			20,000		20,000
Tiền ăn (T11/2022 : 22 ngày x 30,000d/ngày)			660,000		660,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú			150,000		150,000
Tiền nước uống HS			12,000		12,000
Tiền đào tạo chương trình Tin học định hướng IC3 (Nếu HS có tham gia)				1,120,000	1,120,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>1,348,000</b>	<b>1,683,220</b>	<b>3,151,220</b>

**Đối với học sinh không bán trú có TCTA**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Học tăng cường tiếng anh			36,000		36,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			180,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền đào tạo chương trình Tin học định hướng IC3 (Nếu HS có tham gia)				1,120,000	1,120,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>506,000</b>	<b>1,683,220</b>	<b>2,309,220</b>

**Đối với học sinh bán trú không TCTA**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			90,000		90,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền vệ sinh bán trú			20,000		20,000
Tiền ăn (T11/2022 : 22 ngày x 30,000d/ngày)			660,000		660,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú			150,000		150,000
Tiền nước uống HS			12,000		12,000
Tiền đào tạo chương trình Tin học định hướng IC3 (Nếu HS có tham gia)				1,120,000	1,120,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>1,222,000</b>	<b>1,683,220</b>	<b>3,025,220</b>

**Đối với học sinh không bán trú không TCTA**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			90,000		90,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền đào tạo chương trình Tin học định hướng IC3 (Nếu HS có tham gia)				1,120,000	1,120,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>380,000</b>	<b>1,683,220</b>	<b>2,183,220</b>

Ngày 01 tháng 11 năm 2022  
**TRƯỜNG** Hiệu trưởng  
**TRUNG HỌC CƠ SỞ**  
**NGUYỄN TRÃI**  
 NGUYỄN HỒNG ĐỨC

**THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 11/2022  
KHỐI 8**

**Đối với học sinh bán trú**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			90,000		90,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền vệ sinh bán trú			20,000		20,000
Tiền ăn (T11/2022 : 22 ngày x 30,000d/ngày)			660,000		660,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú			150,000		150,000
Tiền nước uống HS			12,000		12,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>1,222,000</b>	<b>563,220</b>	<b>1,905,220</b>

**Đối với học sinh không bán trú**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			90,000		90,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>380,000</b>	<b>563,220</b>	<b>1,063,220</b>

Ngày 01 tháng 11 năm 2022  
 TRƯỞNG Hiệu trưởng  
  
 NGUYỄN HỒNG ĐỨC  
 Nguyễn Hồng Đức

**THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 11/2022  
KHỐI 9**

**Đối với học sinh bán trú có TCTA**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Học tăng cường tiếng anh			36,000		36,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			180,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền vệ sinh bán trú			20,000		20,000
Tiền ăn (T11/2022 : 22 ngày x 30,000d/ngày)			660,000		660,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú			150,000		150,000
Tiền nước uống HS			12,000		12,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>1,348,000</b>	<b>563,220</b>	<b>2,031,220</b>

**Đối với học sinh không bán trú có TCTA**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Học tăng cường tiếng anh			36,000		36,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			180,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>506,000</b>	<b>563,220</b>	<b>1,189,220</b>

**Đối với học sinh bán trú không TCTA**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			90,000		90,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền vệ sinh bán trú			20,000		20,000
Tiền ăn (T11/2022 : 22 ngày x 30,000d/ngày)			660,000		660,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú			150,000		150,000
Tiền nước uống HS			12,000		12,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>1,222,000</b>	<b>563,220</b>	<b>1,905,220</b>

**Đối với học sinh không bán trú không TCTA**

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Tháng 11/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học phí công lập	60,000	60,000	60,000		180,000
Tiền học 2 buổi/ngày			150,000		150,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ			90,000		90,000
Tiền học kỹ năng sống			80,000		80,000
Tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm 2023				563,220	563,220
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60,000</b>	<b>60,000</b>	<b>380,000</b>	<b>563,220</b>	<b>1,063,220</b>



Ngày 01 tháng 11 năm 2022

Trưởng

Nguyễn Hồng Đức